TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 31-10-2019
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Huỳnh Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hồng Thơ.

Ông Nguyễn Đình Đoan Hùng.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Ong Thị Ngọc Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 31 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 305/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019, về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 266/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Trương Ngọc T, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Số C122, khu C, tổ 48, khóm 5, phường 6, thành phố Cao Lãnh, tỉnh đồng Tháp.

Địa chỉ liên lạc: Phòng trọ số 7, nhà trọ sinh viên C, số 332, tổ 35, khóm 4, Phường 6, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Ngô Phương N, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Số C122, khu C, tổ 48, khóm 5, phường 6, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị T có mặt, anh N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02-7-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Trương Ngọc T trình bày:

Về hôn nhân: Sau thời gian quen biết tìm hiểu, chị T và anh N về sống với nhau và tổ chức đám cưới vào năm 2008, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 6, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp ngày 29/9/2008.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh N thường xuyên đi sớm về trễ, không quan tâm chăm sóc vợ con. Đến đầu năm 2017, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh N thường xuyên nhậu nhẹt dẫn đến thường xuyên cự cãi, bất hòa, vợ chồng không quan tâm , chăm sóc nhau. Vợ chồng đã không còn sống chung từ đầu năm 2017 cho đến nay. Trong thời gian sống xa nhau, chị T và anh N nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành.

Nay, chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Ngô Phương N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Ngô Xuân Gia B, sinh ngày 06/9/2009, hiện con chung đang sống với chị T. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Ngô Xuân Gia B, sinh ngày 06-9-2009. Hiện nay con chung đang sống chung với chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có

Tại văn bản ý kiến ngày 04-10-2019 bị đơn anh Ngô Phương N trình bày:

Về hôn nhân: Anh N thống nhất như lời trình bày của chị T về thời gian kết hôn và nơi đăng ký kết hôn và các mâu thuẫn phát sinh. Nay anh cũng đồng ý ly hôn với chị Trương Ngọc T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Ngô Xuân Gia B, sinh ngày 06-9-2009. Hiện nay con chung đang sống chung với chị T. Khi ly hôn anh N đồng ý giao con chung cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng, anh N không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra anh Ngô Phương N có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ theo đơn khởi kiện của chị Trương Ngọc T và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Ngô Phương N có địa chỉ tại phường 6, thành phố Cao Lãnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Ngoài ra, anh Ngô Phương N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy:

[4] Về hôn nhân: chị T và anh N chung sống với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân nhân Phường 6, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 29/9/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng không còn sống chung từ năm 2017 đến nay. Nguyên nhân do anh N không quan tâm đến gia đình vợ con, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cự cãi không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Tại văn bản ý kiến ngày 04-10-2019 anh N trình bày trong thời gian chung sống anh và chị T phát sinh mâu thuẫn và anh cũng đồng ý ly hôn với chị T. Xét thấy các đương sự đều thừa nhận cuộc sống vợ chồng đã phát sinh quá nhiều mâu thuẫn và không có cách nào để hàn gắng được, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy việc chị T yêu cầu ly hôn với anh N là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: chị T và anh N đều xác định các 01 con chung tên Ngô Xuân Gia B, sinh ngày 06-9-2009. Hiện nay con chung đang sống chung với chị T, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Tại văn bản ý kiến ngày 04-10-2019 anh N đồng ý giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Con chung cũng có nguyện vọng sống chung với chị T. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao con chung cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng phù hợp theo quy định tại Điều 81, 83, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Tài sản chung và nợ chung: Tại phiên tòa chị T xác định không có và tại văn bản ý kiến ngày 04/10/2019 anh N xác định cũng không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị T chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Anh Ngô Phương N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trương Ngọc T. Chị T được ly hôn với anh Ngô Phương N.

Về con chung: Giao con chung tên Ngô Xuân Gia B, sinh ngày 06-9-2009 cho chị Trương Ngọc T tiếp tục nuôi dưỡng. Hiện nay con chung đang sống chung với chị T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị Trương Ngọc T chịu 300.000 đồng. Nhưng được khấu trừ số tiền chị T nộp tạm ứng 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005029, ngày 09/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Chị T đã nộp xong tiền án phí.

Anh Ngô Phương N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSNDTPCL;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ VA.

Huỳnh Thị Thơm